

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bân

Ông Nguyễn Thành Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Tường V – sinh năm 1987; cư trú tại tổ I, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Bị đơn:*** Anh Lý Văn V1 – sinh năm 1989;

Địa chỉ: T802-0045 2-7-22 K, Kokurakita-ku, city K, J.

(Anh V1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tường V trình bày:***

Chị và anh Lý Văn V1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau được một tuần thì anh V1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; chị ở Việt Nam làm việc. Từ ngày anh V1 đi xuất khẩu lao động, giữa chị và anh V1 thường hay xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống và do không sống chung với nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày

càng phai nhạt, không yêu thương, quan tâm lẫn nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn V1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Tại đơn trình bày ý kiến ngày 12/12/2023, bị đơn là anh Lý Văn V1 trình bày:* Anh thống nhất với trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị V có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh, thì anh đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 68, 469, 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý và thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ.*

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của các Điều 70,71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 474, 475, 476, 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tường V được ly hôn với anh Lý Văn V1; chị V phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lý Văn V1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lý Văn V1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn V1 và chị Nguyễn Thị Tường V có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/02/2020, nên hôn nhân của anh V1 và chị V là hợp pháp.

Anh V1 và chị V đều thừa nhận sau khi kết hôn được 06 ngày, anh V1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; chị V ở Việt Nam làm việc. Do vợ chồng ít có thời gian gần nhau, nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Chị V xác định không còn tình cảm với anh V1, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh V1. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 12/12/2023, anh V1 cũng

đồng ý ly hôn với chị V. Do đó, để tạo điều kiện cho cả hai ổn định cuộc sống mới, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, được ly hôn với anh V1.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh V1 và chị V đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0000134 ngày 26/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[2.4] Về chi phí tố tụng khác: Chị V phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) theo Biên lai số 0000142 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chi phí dịch thuật là 500.000 đồng (*năm trăm ngàn*), chị V tự nguyện chịu. Chị V đã nộp và chi phí xong.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tường V được ly hôn anh Lý Văn V1.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tường V và anh Lý Văn V1 trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0000134 ngày 26/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Thị Tường V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Tường V phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) theo Biên lai số 0000142 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Chi phí dịch thuật 500.000 đồng (*năm trăm ngàn*), chị Nguyễn Thị Tường V tự nguyện chịu. Chị Nguyễn Thị Tường V đã nộp và chi phí xong.

Chị Nguyễn Thị Tường V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lý Văn V1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan